

Bản án số: **08/2018/KDTM-ST**
Ngày 06 tháng 4 năm 2018
Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Thanh Nga
- *Hội thẩm nhân dân:*
 - 1. Ông Phạm Xoa
 - 2. Ông Huỳnh Tiến
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H- TP Đà Nẵng tiến hành công khai xét xử vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 85/2017/TLST-KDTM ngày 27/11/2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐST-KDTM ngày 27/2/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-KDTM ngày 22/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Công ty cổ phần MT.*

Địa chỉ: đường T, quận H, Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Nguyên V - Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh kim khí số 2 - tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số 712/UQ-KKMT ngày 03/11/2017 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần MT. (có mặt)

- *Bị đơn: Công ty TNHH PTP.*

Trụ sở tại: đường C, tổ 3 phường P, thành phố Q, tỉnh Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Nhật T, chức vụ: giám đốc Công ty. (ông T vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Phan Nhật T** - sn 1959.

Bà **Nguyễn Thị H** - sn 1963.

Cùng địa chỉ: Tổ 24 phường P, thành phố Q, tỉnh Q. (ông T, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân quận H, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần MT trình bày:

Xí nghiệp kinh doanh kim khí số 2 - Công ty CP MT cùng với Công ty

TNHH PTP (sau đây gọi tắt là Công ty TNHH PTP) ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 48/XN2-PTPNB1 ngày 01/12/2016 về việc mua bán sắt thép xây dựng các loại. Về số lượng, chất lượng, phương thức giao nhận, giá cả, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán, quyền và nghĩa vụ các bên được hai bên đã thống nhất theo hợp đồng.

Ngày 20/4/2017 giữa hai bên cùng với vợ chồng ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H ký phụ lục hợp đồng số 01/48/PLHD/XN2-PTP, theo đó vợ chồng ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H nhận bảo lãnh thanh toán thay cho bên mua là Công ty TNHH PTP theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 48/XN2-PTPNB1 ngày 01/12/2016. Trường hợp bên mua không thanh toán tiền hàng đúng quy định của hợp đồng, bên bán có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán thay theo hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký kết nêu trên.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, theo yêu cầu của Công ty TNHH PTP từ ngày 12.12.2016 đến ngày 01.4.2017 Công ty cổ phần MT đã thực hiện việc giao hàng cho Công ty TNHH PTP lượng hàng có tổng giá trị: 1.733.665.703đ, về trách nhiệm Công ty cổ phần MT đã thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng, trong khi đó tính đến ngày 16.3.2017 Công ty TNHH PTP chỉ thanh toán cho Công ty cổ phần MT được: 645.000.000đ, số tiền còn lại chưa thanh toán: 1.088.665.703đ. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 13.4.2017, Công ty TNHH PTP xác nhận còn nợ Công ty cổ phần MT số tiền mua hàng: 1.088.665.703 đồng.

Trên tinh thần hợp tác, Công ty cổ phần MT đã nhiều lần có văn bản yêu cầu Công ty TNHH PTP thanh toán số tiền trên nhưng Công ty TNHH PTP vẫn không thực hiện. Việc chậm thanh toán của Công ty TNHH PTP đã vi phạm điều khoản thanh toán của hợp đồng mà hai bên đã ký kết và gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần MT. Do việc chậm thanh toán nên ngoài khoản nợ nêu trên, Công ty cổ phần MT yêu cầu Công ty TNHH PTP phải trả lãi vay chậm trả theo quy định của hợp đồng tính đến ngày 31/10/2017 với số tiền: 57.845.268đ.

Để đảm bảo quyền lợi và theo quy định pháp luật Công ty cổ phần MT làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng (nơi các bên lựa chọn tại hợp đồng) để yêu cầu Công ty TNHH PTP trả cho Công ty cổ phần MT số tiền: **1.146.510.989** đồng, trong đó: nợ gốc là 1.088.665.703 đồng và 57.845.286đ nợ lãi phát sinh cho chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán (lãi tính đến ngày 31/10/2017).

Ngoài ra, theo đơn khởi kiện Công ty cổ phần MT yêu cầu: Trong trường hợp Công ty TNHH PTP không thanh toán được thì buộc ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H thanh toán thay theo nội dung bảo lãnh. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, Công ty cổ phần MT rút yêu cầu này.

* Theo các văn bản gửi Tòa án và quá trình tham gia phiên hòa giải, người đại diện theo pháp luật của bị đơn, ông Phan Nhật T trình bày:

Công ty TNHH PTP (sau đây gọi tắt là Công ty TNHH PTP) xác nhận có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 48/XN2-PTPNB1 ngày 01/12/2016 về việc mua bán sắt thép xây dựng các loại với Xí nghiệp kinh doanh kim khí số 2 -

Công ty CP MT . Ngoài ra, ngày 20/4/2017 giữa hai bên công ty và vợ chồng ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H có ký phụ lục hợp đồng số 01/48/PLHĐ/XN2-PTP, theo đó vợ chồng ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H nhận bảo lãnh thanh toán thay cho bên mua là Công ty TNHH PTP. Trường hợp bên mua không thanh toán tiền hàng đúng quy định của hợp đồng, bên bán có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán thay theo hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký kết nêu trên.

Công ty TNHH PTP xác nhận còn nợ Công ty CP MT số tiền: 1.146.510.989đ trong đó nợ gốc là 1.088.665.703đ, lãi vay chậm trả là 57.845.286đ (lãi tính đến ngày 31/10/2017).

Khoảng thời gian vừa qua, Công ty TNHH PTP gặp rất nhiều khó khăn về mặt tài chính, với việc các dự án thi công vẫn chưa quyết toán được, chưa thu được công nợ nên việc thanh toán nợ cho Công ty CP MT bị chậm theo cam kết.

Công ty TNHH PTP cam kết trả khoản nợ trên cho Công ty CP MT theo thời gian như sau:

- Đến ngày 12/02/2018: trả 250.000.000 đồng.
- Đến ngày 26/02/2018: trả 500.000.000 đồng.
- Đến ngày 20/04/2018: trả số tiền còn lại là 396.510.989 đồng.

* Theo nội dung trình bày tại phiên hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 20/4/2017, giữa Công ty CP MT, Công ty TNHH PTP và ông T, bà H có ký Phụ lục hợp đồng số 01/48/PLHĐ/XN2-PTP, theo đó ông T, bà H nhận bảo lãnh thanh toán thay cho bên mua là Công ty TNHH PTP. Trường hợp bên mua không thanh toán tiền hàng đúng quy định của hợp đồng, bên bán có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán thay theo hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký kết nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, Công ty TNHH PTP là bị đơn và ông Phan Nhật T, bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Ngày 01 tháng 12 năm 2016, Công ty TNHH PTP (bên mua) có cùng Công ty cổ phần MT (bên bán) ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 48/XN2-PTPNB1. Tại điều 6 của Hợp đồng các bên đã thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân quận H, TP Đà Nẵng là nơi có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, thỏa thuận này phù hợp với Điều 39,40 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa án nhân dân quận H TP Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Xét Hợp mua bán hàng hóa số 48/XN2-PTPNB1 ngày 01/12/2016 giữa Công ty TNHH PTP và Công ty cổ phần MT thì thấy, theo hợp đồng Công ty kim khí Miền Trung bán cho Công ty TNHH PTP sắt thép xây dựng các loại

theo tiêu chuẩn chất lượng TCVN 1651-1985 hoặc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất công bố, số lượng được xác định trong mỗi đợt đặt hàng cụ thể, với đơn giá thanh toán là đơn giá ghi trên hóa đơn GTGT trên cơ sở báo giá của bên bán tại từng thời điểm được bên mua chấp nhận, thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản giao nhận hàng hóa. Ngoài ra, trong hợp đồng còn quy định quyền và nghĩa vụ của các bên.

[4] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên tiến hành mua bán, giao nhận hàng theo cam kết. Đến ngày 13/4/2017, Công ty TNHH PTP và Công ty cổ phần MT đối chiếu công nợ. Theo đó, Công ty TNHH PTP xác nhận còn nợ Công ty cổ phần MT số tiền 1.088.665.703đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH PTP cũng đã xác nhận số nợ nêu trên và đưa ra phương án thanh toán nhưng không được Công ty CP MT chấp nhận.

[5] Việc Công ty TNHH PTP không trả nợ cho Công ty cổ phần MT là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo điểm 3 Điều 3 và điểm 3 mục A Điều 4 của Hợp đồng ký giữa các bên. Căn cứ Điều 50 Luật thương mại, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần MT, buộc Công ty TNHH PTP phải thanh toán cho Công ty cổ phần MT số tiền mua hàng còn nợ là 1.088.665.703đ.

[6] Xét yêu cầu đòi số tiền nợ lãi 57.845.286đ của Công ty cổ phần MT thì thấy, tại điểm 3 Điều 3 của Hợp đồng các bên đã thỏa thuận: “trường hợp quá hạn thanh toán bên A sẽ chịu lãi suất quá hạn của Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh Đà Nẵng”. Xét thấy, thỏa thuận giữa các bên phù hợp với Điều 306 của Luật thương mại và ý kiến của Công ty TNHH PTP tại phiên hòa giải. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu tính lãi của Công ty cổ phần MT, buộc Công ty TNHH PTP phải thanh toán số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 31/10/2017 với mức lãi suất là 8.5%/năm, số tiền lãi là: 57.845.286đ

[7] Như vậy, Công ty TNHH PTP phải thanh toán cho Công ty cổ phần MT tổng cộng là 1.146.510.989 đồng, trong đó nợ gốc tiền hàng là: 1.088.665.703đ và nợ tiền lãi tính đến ngày 31/10/2017 là: 57.845.286đ.

[8] Đối với yêu cầu của Công ty CP MT về việc: Trong trường hợp Công ty TNHH PTP không thanh toán được thì buộc ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H thanh toán thay theo nội dung bảo lãnh. Tại phiên tòa, Công ty CP MT rút yêu cầu này nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn là Công ty TNHH PTP phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 46.395.329đ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên quyết định

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 50, Điều 306 Luật thương mại;
- Điều 39, Điều 40, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần MT đối với Công ty TNHH PTP.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH PTP phải trả cho Công ty cổ phần MT số tiền tổng cộng là 1.146.510.989đ (một tỷ, một trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm mười nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng), trong đó gồm:

+ Nợ gốc tiền hàng là: 1.088.665.703đ

+ Nợ lãi: 57.845.286đ

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH PTP phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 46.395.329đ (Bốn mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng)

- Công ty cổ phần MT không phải nộp án phí. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần MT số tiền 23.197.665 (hai mươi ba triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm sáu mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 009984 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận H-TP Đà Nẵng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA quận H
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Thanh Nga